



Xuân Diệu, nỗi ám ảnh thời gian

Xuân Diệu - Truyện ngắn Nguyễn Sỹ Sông

Đi đâu mà vội mà vàng...
(Ca dao)

Không phải đến Xuân Diệu, thơ Việt Nam mới đúng đến thời gian. Xưa, Nguyễn Du đã từng than : "Ngày vui ngắn chẳng chờ gang !". Gần chúng ta hơn, Tân Đà cũng tặc lưỡi : "Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê !". Nhưng chỉ với Xuân Diệu, thời gian mới trở thành một nỗi ám ảnh. Thời gian trong thơ ông không chỉ là cảm xúc, là thi hứng, mà còn là nhân tố kiến trúc của tác phẩm nghệ thuật. Có thể nói, Xuân Diệu nhìn đời bằng con - mắt - thời - gian ; "chất Xuân Diệu", phong cách thơ ông là ở đó.

Xuân Diệu có hẳn một bài thơ trực tiếp trình bày quan niệm của ông về *Thời gian*. Ông ví thời gian như dòng nước chảy, đời người như con thuyền trôi. Dòng nước thời gian cứ trôi vô tình, không để ý đến tình cảm, ý chí của người đi trên thuyền ("*Nước không vội vàng, Cung không trễ tràng, Nước trôi vô tình*"). Thời gian cũng như đời người "một đi không trở lại" ("*Thuyền không trở về, Nước cũng mất luôn*"). Nhưng thời gian mất là mất số tháng ngày hữu hạn trong cái quỹ "ba vạn sáu ngàn ngày là mấy" của đời người, còn thời gian

khách quan thì tồn tại vĩnh viễn như trời đất. Đời người, do vậy, càng trở lên thoảng chốc và quý giá !

Dùng hình tượng dòng nước để nói thời gian không phải là một phát hiện mới mẻ gì. Trước Xuân Diệu hơn nghìn năm, Lý Bạch đã nói trong một bài thơ mời rượu (*Tương tiến túu*). Cái khác của nhà thơ Việt Nam, sinh sau đẻ muộn chỉ là sự lồng vào đấy một quan niệm mới, khoa học về thời gian. Sáng tạo riêng của ông, có lẽ, ở hình tượng *ngọn gió thời gian*. Các cụ xưa thích dùng cụ thể, cái hữu hình (*dòng nước*) để tượng hình hóa cái trừu tượng, cái vô hình (*thời gian*). Chắc hẳn với họ, thời gian còn nằm trong khoảng mù mờ của ý thức. Xuân Diệu và thế hệ ông đã khai niêm hóa được thời gian, nên thi nhân dám dùng cái vô hình này (*ngọn gió*) để chỉ cái vô hình kia (*Thời gian*). Hơn nữa, gió có tốc độ nhanh hơn, biến hóa hơn nên phù hợp hơn với sự cảm nhận thời gian của lớp người mới. Nói vậy, không có nghĩa là hình tượng thời gian trong thơ Xuân Diệu sẽ sa vào trừu tượng. Trái lại, nó rất cụ thể. Hay đúng hơn, nó nằm trên đường biên của cụ thể và trừu tượng. Một đường biên luôn chuyển động và khó nắm bắt.

Thời gian với Xuân Diệu mang tính lưỡng trị. Một mặt, ngon - gió - thời - gian đem tuổi trẻ, tình yêu đến ("Tình thời gió, màu yêu lên phôi phói"). Và sự sống, tình yêu lại được gió mang đi gieo vãi khắp nơi (*Gửi hương cho gió, Phản thông vàng*). Tạo vật được tiếp thêm sinh khí, sự giao cảm với đồng loại mỗi khi có gió đến thăm ("Hoa cúc đường nhu thời ẩn dật, Hoa hồng có vẻ bận soi gương"). Mặt khác, gió cũng mang lại bao sự phôi pha, u ám héo. Cảnh tượng một khu vườn khi gió đi qua :

"Cây bên đường, trui lá đứng tần ngần
Khắp xương nhánh chuyển một luồng té tái
Và giữa vườn im, hoa run sợ hãi
Bao nỗi phôi pha, khô héo rung rời"
(Tiếng gió)

Trên cây đời, lá đã rụng, lìa cành ; hoa tuy còn ở trên cây, nhưng đang run sợ hãi. Lá và hoa đều là những âm điệu của phôi pha, nhưng nhấn vào đâu, nốt nhạc nào, thì không chỉ tùy thuộc vào ngón tay của nhà nghệ sĩ, mà còn phụ thuộc vào cả thời đại. Nguyễn Du đã làm *Văn chiêu hồn lá* : "Mảnh thân chiếc lá biết là vè đâu ?". Thơ Tân Đà đã ngập những lá : lá thu, lá hồng, lá vàng, bóng lá, xác lá... Biểu tượng của phôi pha ở Xuân Diệu lại không phải là lá mà là hoa. Hoa với Hương thơm và màu sắc ! Các nhà thơ - nhà nho tài tử, kể cả người chót là Tân Đà, dễ cảm với lá, với tính chất phiêu linh và trải nghiệm của nó. Còn với Xuân Diệu, nhà thơ của lớp người mới, của mùa xuân, của tuổi trẻ, sự phôi pha, tàn lụi còn đang ở dự cảm, ở sự thấy trước, biết trước do nhận thức được tính khách quan của thời gian. Hoa là hiện tại, là sự sống đang sống chưa hết cái đời sống tự nhiên của nó. Sự tàn phai của một bông hoa gieo một ấn tượng mạnh hơn : "Hơn một loài hoa đã rụng cành" - Đây mùa thu tới ; "Bông hoa rút cành rơi không tiếng, Chẳng hái mà hoa cũng hết dần" - Ý thu. Và sau cùng, là sự ngạc nhiên, tự hỏi : "- Ủ nhỉ ! Sao hoa lại phải rơi ?" - Ý thu.

Ở Xuân Diệu, cũng như ở nhiều nhà thơ khác, mùa thu thường choán một chỗ đặc biệt trong thơ. Phải chăng bởi tính giao mùa ? Hè đã qua nhưng nắng tháng Tám

còn rám cùi bưởi. Đông chưa đến mà tín hiệu đã nướm nượp phía chân trời. Nằm áp giữa hai khói nóng lạnh đó, thu là một lanh thổ bị lấn cả đôi đũa nên có những *trở trời*. Những khi không có sự đảo chiêu thời tiết này, không gian lửng lơ treo một cân bằng mỏng manh, thu là khoảnh ngưng kỳ diệu thuận cho tạo vật bừng sắc một lần chót trước khi đi vào héo úa. Các nhà thơ xưa thường chớp lấy cái giây phút an lạc vĩnh hằng này của trời đất để nương gửi cái hài hòa của tâm hồn mình (Nguyễn Khuyến : *Thu diếu*, *Thu vịnh*, *Thu ẩm*). Xuân Diệu, ngược lại, cảm ứng mạnh với các trạng huống trở trời của mùa thu. Sự tồn tại kép thậm chí tam trùng của khí hậu (hè, thu, đông) và trạng thái đang tàn phai (chứ chưa phải *dã mất*, *hết*, *thiếu*, *vắng*) của tạo vật làm cho con người dễ cảm nhận được sự hiện diện của thời gian. Bài thơ *Đây mùa thu tới* với điệp khúc "*Đây mùa thu tới - mùa thu tới*" ! không chỉ là tiếng báo mùa, mà là sự hối thúc của thời gian,

Mùa thu là thế giới của phôi pha : "*Lá ÚA cành KHÔ vẫn RUNG dòn* !". Từ sự phai của cảnh vật "*Với áo mơ PHAI dệt lá vàng*" đến sự phai của lòng người : "*Một chút hương PHAI của ái tình*", "*Để lòng ước với tình PHAI ấy...*". Sự cảm nhận này, khi chưa ý thức được, nhất là ở các *thiếu nữ* đã tạo nên nỗi "*buồn không nói*" ("*Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói*") hoặc nỗi "*buồn vô cớ*" ("*Hôm nay trời nhẹ lên cao, Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*").

Nỗi buồn ấy tồn tại trong "vô thức tập thể" của cả một lớp người. Nó tạo nên một khí hậu tinh thần đặc biệt lúc bấy giờ như một thứ "*bệnh thời đại*". Đó là bệnh nuối tiếc thời gian. Không hiểu do "*trời phú*" cho một

cảm quan đặc biệt, hay do một "*ám ảnh thời ấu*" nào, Xuân Diệu, hơn những thi sĩ khác, đã ý thức sâu sắc được sự mất mát thời gian :

"Thong thả chiêu vàng thong thả lại..."

Rồi đi... đêm xám tối dần dần...

Cú thế mà bay cho đến hết

Những ngày, những tháng, những mùa xuân"

(Giờ tàn)

Mất thời gian là mất tất cả. Thậm chí, cả cái tưởng như tuyệt đối : "*Sự thật hôm nay không thật đến ngày mai*" ! Từ nỗi "*BUỒN không nói*", mang tính chất vô thức, chuyển thành nỗi "*HẬN tháng ngày*", rồi cuối cùng là "*nỗi KHỔ vô hình*", sự thức nhận thời gian do mùa thu gợi lên đã trở thành sâu sắc, đồng giá. Thời gian không chỉ làm thay đổi khách thể mà còn đổi thay cả chủ thể nữa :

*"Cái bay không đợi cái trôi
Từ tôi - phút ấy sang tôi phút - này"*

(Đi thuyền)

Sự thay đổi của con người, từng phút, từng phút, sẽ làm nó mất tuổi trẻ và, cuối cùng, là cái chết. Cái thuyết tuần hoàn, luân hồi chuyen kiếp chỉ có tác dụng khi con người tin rằng nó là một bộ phận của cái đại ngã vũ trụ. Nghĩa là, thời gian là một vận động tuần hoàn. Trăng tròn rồi trăng lại khuyết, khuyết rồi lại tròn, không có gì mất đi cả. Còn khi con người là cá nhân cá thể, đặt cuộc đời mình vào giới hạn trăm năm thì các thuyết đó không giải quyết được gì hết. Con người trở lên lạnh nhạt với đời sống sau khi chết. Và người ta nhận thức được ý nghĩa của cái chết nằm trong ý

nghĩa của đời sống. Sống như thế nào, đi đâu mới quan trọng. Bởi vậy, cá nhân cô đơn phải tự tìm lối phương thuốc của mình và cho mình ngay ngày hôm nay, trên cõi đời này.

Các phương thuốc của người xưa dù khác nhau đến đâu vẫn không thể tránh khỏi thang thoát ly. "Trẻ Nho già Lão" hoặc "vào Nho ra Phật" là phương châm ứng xử của cả vùng văn hóa Đông Á. Các nhà thơ cùng thời với Xuân Diệu chủ yếu vẫn tuân theo ứng xử trên, tuy biểu đồ dao động của họ có biên độ lớn nhỏ khác nhau. Người này đi tìm sự xê dịch trong không gian bằng những chuyến "giang hồ vặt" như Nguyễn Tuân, Nguyễn Bính... ; kẻ khác đi vào nhảy dây, thuốc phiện như Vũ Hoàng Chương, Vũ Bằng, Dinh Hùng... ; người thứ ba đi tìm cuộc sống ở ngoài đời bằng "Thiên Thai" hoặc mộng như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư... Chỉ có Xuân Diệu là cứ ở trong đời, bám riết lấy trần thế, níu cuộc sống mà chống thời gian :

"Ta ôm bó, cánh tay ta làm rắn
Làm dây da quấn quýt cả mình xuân
Không muốn di ở mãi mãi trong trần
Chân hóa rẽ để hút mùa dưới đất"

Một quan niệm sống "dấn thân", khoa học và thực dụng như vậy thật xa với truyền thống phương Đông. Hắn nó chỉ có thể được xây dựng trên nhận thức mới về thời gian. Và điều đó, một lần nữa, được trình bày bằng văn xuôi một cách rõ ràng : "Thời gian chỉ là sự cử động, Nếu tôi đứng, nếu máu tôi ngừng... thời gian của tôi sẽ không còn nữa" (Thương vay - Trường ca). Bởi vậy, để thời gian không mất đi, con người phải

không ngừng vận động, phải "lắn với đời quay". Nhưng điều quan trọng là phải quay ngang với tốc độ quay của cuộc đời, ngang với nhịp điệu chuyển vận của vũ trụ. A. Einstein đã phát hiện ra là nếu đi ngang với tốc độ của ánh sáng thì tháng ngày sẽ trở nên vĩnh cửu. Sắp tìm tốc độ, coi tốc độ là cứu cánh chẳng những là trái ngược với tư tưởng của một xã hội nông nghiệp cổ truyền là nhìn thời gian trôi qua một cách thư thái, mà còn là một ý tưởng rất hiện đại của thơ Xuân Diệu. Thi nhân ao ước có Cặp hài vạn dặm để đi khắp không gian trong chốc lát và quan trọng hơn, đi ngang với tốc độ của ngọn gió - thời - gian : "Ta theo gió mạnh, gió nhanh, Gió hung dữ, gió sát sanh, gió cuồng !". Chỉ có chế ngự được thời gian thì mới chế ngự được sự phai tàn của đường nét, màu sắc, âm thanh và lòng người :

"Di mau ! Trốn nét ! Trốn màu !
Trốn hơi ! Trốn tiếng ! Trốn nhau ! Trốn mình !"

Nhưng đạt được một tốc độ như vậy chỉ là ảo tưởng. Xuân Diệu, thực tế hơn, đã thay thế đôi giày cổ tích bằng lối sống đón trước để bắt kịp thời gian : "Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân". Bởi vậy, Vội vàng là một triết lý sống, một ứng xử nghệ thuật của nhà thơ. Thế giới thơ Xuân Diệu đầy những từ ngữ giục giã, vội vàng, mau, mau lên, gấp..., bởi thi nhân e sợ lỡ làng, muộn màng, không kịp, lỡ thì... :

- "Mau với chú, vội vàng lên với chú,
Em, em ơi, tình non đã già rồi :
- "Mau với chú ! Thời gian không đứng đợi
Tình thời giờ, màu yêu lên pháp phái ;
Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa"

"Gặp di em, anh rất sợ ngày mai,
Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn"

Tháng vượt thời gian bằng tốc độ sống không đủ, mà phải tháng bằng cả *cường độ sống* nữa. Cường độ sống có thể có nhiều cách hiểu, nhiều cách lý giải. Nhưng, trước hết, phải trân trọng bám níu lấy sự sống trong mọi hình thái đa dạng, từ vi đến vĩ của nó. "Tôi không sợ mất sự sống của tôi, không muốn nó rời rót chảy trôi theo dòng ngày tháng, tôi đã ráng bờ tung mảnh đời tôi trong hàng chữ, để gửi đi, gửi cho người, cho người bốn phương" (*Lời đưa duyên - Thơ thơ*). Sau nữa, thi nhân biết sống với hiện đại và coi trọng hiện đại. Đây cũng là một đặc sắc của Xuân Diệu mà cùng thời ít ai đạt được. Trong xã hội cổ truyền, khi thời gian là tuẫn hoàn, quá khứ là khuôn vàng thước ngọc thì phút giây hiện tại mỏng manh là vô nghĩa. Coi trọng hiện tại cũng là một ý tưởng thiêng, là tư tưởng hiện sinh thuần khiết. Cuối cùng phải biết nén tối đa sự sống vào một khoảnh khắc thời gian nhỏ nhất : "Trút ngàn năm trong một phút chơi voi".

Thơ Xuân Diệu là một sự khát thèm sự sống. Ông ca ngợi mọi hình thái chứa giàu sự sống : *mùa xuân* : thời kỳ của sự sống sinh sôi ; *tuổi trẻ* : lúc sức sống tràn đầy ; *tình yêu* : sự bùng nổ của sức sống... Vũ trụ của nhi thần là một vũ trụ của sự thụ hưởng cuộc sống, trong đó hình thái thụ hưởng cơ bản, cổ sơ là trôi nổi hơn cả. Thơ ông đây những động tác : *uống* (*uống hồn em*), *ôm* ("Ta muốn ôm, Cả sự sống đã bắt đầu mơn mởn"), *cắn* ("Hơi xuân hồng, ta muốn cắn vào người !"), *mỗi* ("Tháng giêng ngon như một cặp môi gần")... Xuân Diệu tự định nghĩa mình : "Tôi kẻ đưa rắng báu mặt



Phụ bản thơ của Lương Xuân Nhì



trời, Kè dụng trái tim triều máu đất, Hai tay chín móng bám vào dời". Và tư thế thường trực của thi nhân là :

"Mau di thôi ! mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muôn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn ;
Ta muôn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muôn say cánh bướm với tình yêu.
Ta muôn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng
Cho chuênh choáng mùi thơm, cho dâ dầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi ;
Hồi xuân hòng, ta muôn cắn vào người !"

(Vội vàng)

Mặc dù vô vật sự sống như vậy, nhưng biết sống với phút giây hiện tại là rất khó, bởi vì cái hiện tại tuy thực, nhưng nó rất mỏng manh. Nhưng hình như sự việc lại bắt đầu từ đó, từ cái nghịch lý này. Hạt nhân nguyên tử tuy nhỏ bé nhưng lại chiếm hầu như toàn bộ khối lượng của nguyên tử. Phút giây hiện tại là sự cô đặc thời gian. Biểu dương hiện tại và biết dồn nén thời gian vào hiện tại, Xuân Diệu viết :

"Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm"

Lúc này, cái thời gian khách quan đo đếm được bằng máy móc không tồn tại nữa, mà đã chuyển qua thời gian của cảm giác, tâm trạng. Đó là thứ *thời gian tâm linh*, không có quá khứ, hiện tại, tương lai, khoanh khắc, thiên thu. Đó là nỗ lực phi thời gian hóa của con người trên chính thời gian. Với trực giác về thời gian đó, con người mau chóng đạt tới sự vĩnh cửu - sự vĩnh cửu

trong giây lát. Từ sự vĩnh cửu đó, con người bước sang hạnh phúc vì trút được gánh nặng thời gian. Như vậy, thời gian khoa học không phải là tất cả, mà chỉ là một chiêu kích trong con người. Thời gian tâm linh biến cái thoáng chốc thành cái vĩnh cửu, tức là không gian hóa thời gian, tinh hóa cái động, Hàn Mặc Tử đã từng viết : "Van lạy không gian xóa những ngày".

Một hình thức chiến thắng thời gian khác là lấy chủ quan thắng khách quan, tức là lấy cái năng lượng, nội lực trong lòng mình để chủ quan hóa cái khách quan ; biến cái mùa xuân giới hạn, định kỳ của thiên nhiên thành Xuân vĩnh cửu, Xuân không mùa :

"Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng :

Xuân là khi nắng rạng đến tình cờ,

Chim trên cành há mồ hót ra thơ ;

Xuân là lúc gió về không định trước.

Đông dang lạnh, bỗng một hôm trở ngược,

Mây bay đi, để hở một khung trời.

Thế là xuân. Ngày chỉ ám hơi hoi

Nhu được nắm một bàn tay son sê..."

Ở Xuân Diệu, cái "Xuân lòng" của ông chủ yếu phát xuất từ tình yêu. Xuân Diệu nổi tiếng là một nhà thơ của tình yêu. Nhưng sự hấp dẫn của thơ tình Xuân Diệu, sức trẻ bền lâu của nó, không phải ở những ngôn từ mà bấy giờ ít nhiều đã ngả màu cải lương, không phải ở giọng điệu tha thiết chàng nàng, chính là xuất phát từ một triết lý sống thẩm đắm. Đó là tình yêu có khả năng chiến thắng thời gian, bởi vì tình yêu là sự sống, sự sống bất tử, sự sống chẳng bao giờ chán nản. Thơ tình Xuân Diệu sau này mất cái triết lý ấy làm

hậu thuẫn đã trở lên vụn vặt, tun mủn. Tình chỉ còn lại là một "chút nghĩa cũ càng".

Xuân Diệu đã từng viết : "Làm sao cắt nghĩa được tình yêu" nhưng thực ra sự định nghĩa của ông rất rõ ràng. Tình yêu với ông là sự sống. Tình yêu vốn là sự tự có của thiên nhiên. Nó có ý nghĩa cổ sơ một cách sâu xa. Tình yêu có ở vạn vật. "Tình yêu của loài cây xa xôi, viễn vọng như thế, không toan tính gần gũi như loài người. Hoa thông để nhỉ vàng chảy ra tự trong lòng, và chỉ biết chừng này. Có một việc là yêu, là gửi đi, là cho. Phấn thông sẽ đến, sẽ không đến ? kể làm chi" (Phấn thông vàng).

Cơ sở sâu xa của tình yêu là sự sống, nên tình yêu là sự cảm thông, sự giao cảm của tạo vật với nhau :

"Một tối bầu trời đầm sắc mây,

Cây tim nghiêng xuống nhánh hoa gầy,

Hoa nghiêng xuống cỏ, trong khi cỏ

Nghiêng xuống lán rêu, một tối dày

Những lời huyền bí tòa lên trăng,

Những ý bao la rủ xuống trần,

Những tiếng ăn tình hoa bảo gió,

Gió dào thò thè bảo hoa xuân"

(Với bàn tay ấy)

- "Trong đêm nhung, hoa trống cách vời hoa mai, gọi nhau bằng chút niềm bối rối trong không khí, chỉ gần nhau bằng mảnh phấn hương. Còn những dóa hoa của mỗi người, ứng nhau thì được đến tầm nhau, gần thành dóa hoa cảm giác. Thời gian dừng di qua, đôi cặp mỗi người đóng dấu vào nhau để lấy một phút giây

eục lạc, cung khán ép một quăng nhỏ không gian ; và
từ ấy trong kỷ niệm trăm năm, còn mãi một điểm hồng".

(Phản thông vàng)

Tình yêu là sự sống, sự sống là mùa xuân, mùa xuân
là tuổi trẻ nên tình yêu trong thơ Xuân Diệu đồng nghĩa
với tuổi trẻ, mùa xuân :

"*Xuân của đất trời nay mới đến ;
Trong tôi, xuân đến đã lâu rồi :
Từ lúc yêu nhau, hoa nở mãi
Trong vườn thơm ngát của hồn tôi"*

(Nguyên dân)

Xuân Diệu làm nhiều thơ xuân : *Nụ cười xuân, Xuân rụng, Xuân dấu, Xuân không mùa*. Và, có lẽ, cái tên Xuân Diệu (Sự kỳ diệu của mùa xuân ?) cũng nằm trong chuỗi cảm xúc ấy ! Đặc biệt, cái nhìn tình yêu - sự sống của Xuân Diệu đã cho phép thi nhân nhìn ra, khám phá ra ý nghĩa mới của mùa thu. Ông cũng làm nhiều thơ về mùa thu (*Dây mùa thu tối, Ý thu, Thu...*), một lẽ, thu tăng sự cảm nhận thời gian, lẽ khác, thi sĩ thấy mùa thu là mùa yêu. "Với lòng tôi trời đất chỉ có hai mùa : Xuân và Thu, hai mùa đặc biệt ý nhị, hai mùa có bình minh. Từ xuân sang hè là từ ám sang nóng, từ thu sang đông là từ mát sang lạnh, sự thay đổi làm ta bức tức mà lại không có gì thực mới cả ; đông với hè chỉ là sự thái quá của thu với xuân... Xuân với thu là hai bình minh trong một năm, sự thay đổi hé trong nhất của tâm hồn. Và bởi vậy thu cũng là một mùa xuân ; Đầu xuân là bình minh ám của lòng tôi, đầu thu là bình minh mát của lòng tôi. Và ám hay mát, thu hay xuân, lòng tôi cũng rạo rực những tiếng gọi

mùa, ái tình ghé môi gọi lời trong gió"... (Thu - Trường ca).

Nhưng moi thứ tình yêu của tạo vật, của thời tiết cuối cùng cũng quy vào tình yêu trai gái của con người. Con người không chỉ là tinh hoa của trời đất "người ta là hoa đất", mà còn chính là trời đất vũ trụ. Tình yêu là sự sống với con người không chỉ là chuyện duy trì và bảo vệ nòi giống, mà còn là một hình thái đầy đủ nhất của sự sống. Trong tìm về sự hòa hợp nguyên thủy, sự hợp nhất ban đầu của hai người yêu nhau chỉ có thể đạt được bằng cả cường độ lẫn tốc độ tình yêu. Tình yêu khắc phục được sự phôi pha của thời gian, người đi được nối "Hận thời gian" : "Với bàn tay ấy ô trong tay, Tôi đã người quên hận tháng ngày".

Trong tình yêu, bởi thế, Xuân Diệu rất sợ khoảng cách, cả khoảng cách tâm hồn lẫn khoảng cách thể xác, cả khoảng cách thời gian lẫn khoảng cách không gian :

"*Tiếc nhau chi ; mai mối dã xa rời ;
Xa là chết ; hãy tặng tình lúc sống.
Chớ chia rẽ ; dẽ gì ta gấp mộng !
Những dòng dõi muôn hướng đã chia trôi"*

(Tặng thơ)

Thi sĩ kiếm tìm, một cách tuyệt vọng, sự hợp nhất tình yêu trong sự hợp nhất thể xác :

"*Hãy sát đoi dâu ! Hãy kè đoi ngực !
Hãy trộn nhau đoi mái tóc ngắn dài !
Những cánh tay ! Hãy quấn riết đoi vai !
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt !
Hãy khắng khít những cặp môi gắn chặt
Cho anh nghe đoi hàm ngọc của răng ;*

Trong say xưa, anh sẽ bảo em rằng :

"Gần thêm nữa ! Thé vẫn còn xa lắm !"

(Xa cách)

Tình yêu không chấp nhận cô đơn, không chấp nhận
cá lẻ, không chấp nhận khoáng cách đến nỗi người kỵ
nữ, nhân vật tưởng đã dày dạn với chia xa, cũng biết
bao đau khổ khi tiễn khách vì sợ cảnh mình gặp
lòng mình :

"Khách ngồi lại cùng em thêm chút nữa ;

Vội vàng chi, trăng sáng quá, khách ơi.

Dêm nay rằm : yến tiệc sáng trên trời ;

Khách không ở, lòng em cô độc quá"

(Lời kỵ nữ)

Bởi vậy, Xuân Diệu luôn luôn khao khát tình yêu.
Thi sĩ thấy tình yêu như một nguồn nước mà mình như
ké qua sa mạc. Ông như luôn luôn bị một cơn khát siêu
hình giày vò. Bầu trời trong mắt ông thành chiếc chén :

"Trời cao trêu nhử chén xanh êm ;

Biển dáng không nguôi nổi khát thèm ;

Nên lúc mới ta kè miêng thầm,

Trời ơi, ta muốn uống hồn em !"

(Vô biên)

Ông rất hiện đại và thành thật trong chuyện : "quảng
cáo" mình để *Mời yêu*, luôn luôn lo sợ phải rơi vào tình
cảnh "*Lan mẩy dóa lạc loài sơn dã, Uống mùi hương
vương giả lầm thay*" của người cung nữ xưa. Như cây
thông kia, ông gửi hương phấn của tình yêu cho gió để
hy vọng gặp được tình yêu. Thi sĩ Xuân Diệu đầy
một sự hồi hộp, pháp phóng, đầy lạc quan và bi quan,

đầy hy vọng và thất vọng. Tình yêu quả thật đã khó
tìm kiếm, những lời *Mời yêu* kia cứ như *Nước dỗ lá
khoai*. Thậm chí ngay cả khi có tình yêu rồi, thì nó
cũng không mang lại được sự hợp nhất :

"Em là em ; anh vẫn cứ là anh
Có thể nào qua Vạn lý trường thành
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật"

(Xa cách)

Hạnh phúc trên đời này là không có thật chăng ?
Thơ tình Xuân Diệu là tiêu biểu nhất của thế hệ thi sĩ
1932 - 1945, một thế hệ tìm thấy ở tình yêu những
diêu to lớn hơn bản thân nó. Họ thấy ở đó cả cứu cánh,
phương tiện, sự hưởng lạc, nơi trú ẩn... Nó phát triển,
giống và khác với tình yêu của thế hệ nhà nho tài tử
trong thời đại Nguyễn Du. Đó cũng là tình yêu có gắn
với *yếu tố xác thịt* (Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiệu, Hồ
Xuân Hương...). Đó cũng là tình yêu gắn liền với *sự
mắt mát, hạnh phúc mong manh* ("Nghi minh phật
mong cánh chuồn, Khuôn thiêng biết có vuông tròn cho
không" - *Truyện Kiều*). Nhưng sự giống chỉ là bề ngoài.
Thế hệ nhà nho tài tử tin hạnh phúc do tình yêu mang
lại là *có thật*. Và con người có quyền được hưởng hạnh
phúc ấy, nhưng thực tế xã hội đã làm cho hạnh phúc
tan vỡ, cho nên con người phản uất, phản kháng. Tình
yêu với thế hệ Thơ mới chỉ là một trái cây có vẻ ngọt,
bao nhiêu người hăm hở bám môi vào mới biết đó là
một trái dắng. Chính trong hạnh phúc tình yêu đã chứa
đựng đau khổ. Đến với tình yêu như là một đối tượng
để hưởng thụ, dần dà các nhà Thơ mới coi tình yêu chỉ
là một phương tiện để giải thoát.

Có lẽ sự giống nhau và khác nhau này nằm ở trong loại hình cái tôi. Cái tôi tài tử chủ yếu vẫn là cái tôi đại diện, nhưng ý thức cá nhân đã được thời đại thức tỉnh. Nó khao khát đi đến tình yêu và hưởng thụ hạnh phúc, coi đó là chuyện tự nhiên : "Tài tử với giai nhân nợ săn". Trong khi đó cái tôi cá nhân trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể bấy giờ mang tính lưỡng tri. Một mặt, nó phát triển hơn, được tự do hơn. Mặt khác, càng lên cao nó càng cảm thấy mình chông chênh hơn. Xét cho cùng, sự bi quan đó là do nó bị tước mất quan niệm cũ về thời gian. Với quan niệm thời gian tuân hoàn, con người dù hạnh phúc hay đau khổ, được yêu hay thất tình đều có được sự an bằng nào đó trong tâm hồn. Còn khi đã thấy thời gian là một chiêu thì mảnh đất dưới chân sụp đổ. Cái ta bến vững thuở nào đã mất. Tình yêu, hạnh phúc cũng chỉ là một vật trôi nổi với thời gian, và cuối cùng sẽ kết thúc cùng với đời người. Còn neo được trên dòng thời gian họa chăng là con thuyền nghệ thuật ?

Xuân Diệu tìm đến với thơ ca như là một phương tiện triển vọng để đến với bất tử, tức có danh tiếng để chiến thắng thời gian. Có thể thế hệ tài tử quan niệm *danh tiếng* (công danh) khác với thế hệ Thơ mới. Nguyễn Công Trứ coi công danh cũng là một thứ công nghiệp, một thử nghiệm vụ của kẻ sĩ :

*"Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông"*

hoặc :

"Không công danh thì nát với cây"

Còn thế hệ Thơ mới ham mê bất tử, danh tiếng, bắt nguồn từ cảm giác bất an ngầm ngầm do tư thế đơn độc của cá nhân trong một thế giới xa lạ. Nếu ý nghĩa của đời sống trở nên đáng nghi ngại, nếu tương quan của con người với chính mình và với người khác không đem lại an bằng thì danh tiếng là một phương tiện có thể khóa lấp cái nghi ngờ đó. Cũng như công cuộc xây cất Kim Tự Tháp của người Ai Cập hay lòng tin vào sự bất tử của tín đồ Ky tô giáo, danh vọng có khả năng "nâng cấp" đời sống cá nhân từ tình trạng chật hẹp, bất trắc lên bất diệt. Nếu tên tuổi của một người được thời đại minh biết đến, và nếu y còn có thể hy vọng rằng tên tuổi đó sẽ được thế kỷ sau truyền nhắc thì cuộc đời y sẽ có ý nghĩa, do nó sẽ được phản ánh trong cuộc đời của người khác. Như vậy, con người đã thoát khỏi thời gian cá nhân hữu hạn để sống với thời gian lịch sử lâu dài hơn.

Với Xuân Diệu, sự say mê danh tiếng đồng nghĩa với sự say mê một sự nghiệp thơ ca, say mê cái đẹp, say mê nghệ thuật. Nghệ thuật với ông cũng là Tình yêu - Sự sống : "*Tình yêu có bao giờ mất ! Phấn thông vàng không gấp hoa cái chăng, thì phấn cũng đã làm lồng lẩy không gian... Sự phung phí đã trở thành mỹ thuật*" (*Phấn thông vàng*). Như vậy, những mối tình không kết trái, những mối tình không, những mối tình đau khổ đã thăng hoa thành nghệ thuật. Nghệ thuật bao giờ cũng xuất phát từ sự phung phí, nhưng bản thân nó lại không phải là sự phung phí. Nghệ thuật là một công cụ giao nối vạn vật, bởi vậy thi sĩ, theo thiên chức của mình, chỉ là một *médium* của vạn vật. Một khi đã nắm được nghệ thuật, nghệ sĩ có thể tìm lại được *thời gian đã*

mất bằng cách đưa được quá khứ về với hiện tại. Trong bài *Nhi hò*, qua mỗi một khúc điệu, người nghệ sĩ lại vớt lên được một không gian, một thời gian từ cõi quên lãng :

"Cây cỏ bình yên, khuya tĩnh mịch
Bỗng đâu lén khúc Lạc âm thiều..."

Nhi hò để bốc niềm cô tịch,

Không khóc nhưng mà buồn hiu hiu...

Điệu ngả sang bài Mạnh Lệ Quân

Thu gồm xa vắng tự muôn đời.

Sương nương theo trăng ngừng lung tròn,

Tương tư nâng lòng lên chơi vời...

Tiếng đàn thăm dịu dần tôi di

Qua những sân cung rộng hải hồ.

Có phải A Phòng hay Cô Tô ?

Lá liễu dài như một nét mi"

Thơ cũng là sự vĩnh cửu hóa, sự không gian hóa thời gian. Trong thơ cất giấu mùa xuân, cất giấu tuổi trẻ :

"*Xuân ta đã cất trong thơ phú*

Tuổi trẻ trong thơ thảm với đời"

(Tặng bạn bây giờ)

Biểu tượng của sự vĩnh cửu, của cái đẹp, của nghệ thuật trong thơ Xuân Diệu là *Trăng*. Thi sĩ làm nhiều thơ về *trăng* : *Trăng*, *Tung ca*, *Nguyệt cầm*, *Buồn trăng*. Thơ Xuân Diệu nói chung và các bài thơ *trăng* nói riêng tồn tại hai phong cách, khi thì tách riêng ra, khi thì xen kẽ nhau : phong cách *lãng mạn* trực tiếp bày tỏ ý nghĩ, tâm trạng, cảm xúc như bài *Tung ca*. Phong cách *tượng trưng* tác giả ẩn mình đi để cho biểu tượng tự

phát ngôn, ví như *Nguyệt cầm*... Cái nhìn tượng trưng phản ánh một thế giới của những bản chất. Nó vượt lên trên kinh nghiệm để thành những chủng loại của một *Thơ*, một *Cái Đẹp*, một *Lý tưởng*... Quá trình đi đến một sự vĩnh cửu hóa nghệ thuật để chiến thắng thời gian cũng là quá trình Xuân Diệu chuyển sang cái nhìn tượng trưng. Từ *cảm xúc* thi nhân đã đi đến *cảm giác* (*Huyền diệu*) trong sự nhất thể hóa của chúng. Nhà thơ đã sử dụng các thủ pháp như *biểu tượng hóa*, *thực thể hóa*, *âm nhạc*... *Nguyệt cầm* là *dàn trăng*, là *dàn* (nghệ thuật) và *trăng* (thiên nhiên vĩnh cửu), là nghệ thuật vĩnh cửu :

"*Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,*
Trăng thương, trăng nhớ, hối trăng ngắn.
Dàn buồn, dàn lặng, ôi dàn chậm !
Mỗi giọt sương tàn như lệ ngân.

Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh,
Linh lung bóng sáng bồng rung minh
Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngồi,
Dàn ghê như nước, lạnh, trời ơi...
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận !
Trăng nhớ Tâm Dương, nhạc nhớ người.

Bốn bề ánh nhạc : biến pha lê
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề
Sương bạc làm thinh, khuya nín thở
Nghe sâu âm nhạc đến sao Khuê"

Thơ Xuân Diệu là một thế giới rộng mở, đa âm. Trong bản giao hưởng âm thanh này nổi lên những giai âm

như *Mưa thu* : sự thức nhận thời gian ; *Vội vàng* : một ứng xử với thời gian, một triết lý thời gian ; *Gửi hương cho gió* : tình yêu như là sự chiến thắng thời gian ; và sau cùng *Thơ thơ* : nghệ thuật như là sự vĩnh cửu hóa thời gian. Trong từng bài thơ, từng giai đoạn thơ, những âm giai này thay nhau nổi lên làm *chủ âm* (dominante) khiến cho toàn bộ sáng tác của Xuân Diệu vừa phong phú, đa dạng, vừa xuyên suốt, nhất quán.